

Số: 4289 /NHCS-TDNN

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015

HƯỚNG DẪN

**Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài
theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính
sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm**

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45) về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm,

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay từ nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn NHCSXH huy động để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Đối tượng cho vay

a) Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

b) Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng.



Thân nhân của người có công với cách mạng: là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi); Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

Người có công với cách mạng bao gồm:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- Liệt sĩ;
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- Người có công giúp đỡ cách mạng.

3. Nguyên tắc cho vay

- a) Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;
- b) Người vay phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo cam kết với Ngân hàng;
- c) Đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Điều kiện cho vay

Người vay vốn phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;
- c) Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây viết tắt là Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).

5. Mức cho vay

Mức cho vay tối đa bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.



6. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định (Hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 0,55%/tháng, 6,6%/năm).

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

8. Bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay trên 50 triệu đồng/lao động, người vay phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay của NHCSXH (Hiện nay, việc bảo đảm tiền vay được thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH).

9. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

10. Phương thức cho vay

a) Phương thức cho vay trực tiếp

Phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện được áp dụng đối với 02 trường hợp sau:

- Người lao động là người độc thân;

- Người lao động vay thông qua hộ gia đình có mức vay trên 50 triệu đồng/lao động.

b) Phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (Tổ TK&VV) theo quy định hiện hành của NHCSXH được áp dụng đối với người lao động vay thông qua hộ gia đình có mức vay đến 50 triệu đồng/lao động.

11. Hồ sơ, thủ tục cho vay

a) Đối với cho vay theo phương thức cho vay trực tiếp

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01/XK61 đính kèm đối với người lao động là người độc thân hoặc theo Mẫu số 02/XK61 đính kèm đối với người lao động vay vốn thông qua hộ gia đình, có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có); kèm theo các loại giấy tờ sau để gửi NHCSXH nơi cho vay:

+ Bản sao Giấy xác nhận đối với người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng (có chứng thực) theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45 đối với người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng;

+ Bản sao Hợp đồng (có chứng thực) ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp về việc đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn của người lao động (có chứng thực);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, lãi tiền vay theo Mẫu số 03/XK61 đính kèm đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương (sau đây viết tắt là Hợp đồng thỏa thuận);

- Tại NHCSXH: Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện:

+ Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn; thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay và cùng người vay khởi thảo Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng tín dụng theo Mẫu số 04/XK61 đính kèm. Việc thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay và khởi thảo hồ sơ thế chấp, cầm cố được thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc.

+ Trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Tín dụng (Tổ trưởng tín dụng) kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho vay trên Giấy đề nghị vay vốn, đồng thời tham mưu Giám đốc cùng người lao động ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố, Hợp đồng tín dụng và thực hiện giải ngân cho người vay theo quy định của NHCSXH. Nếu không cho vay thì trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Đối với cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội.

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 02/XK61 đính kèm, có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có), kèm theo các loại giấy tờ sau để gửi Tổ trưởng Tổ TK&VV:

+ Bản sao Giấy xác nhận đối với người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng (có chứng thực) theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45;

+ Bản sao Hợp đồng (có chứng thực) ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn của người lao động (có chứng thực);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, lãi tiền vay theo Mẫu số 03/XK61 đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương,



- Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của người vay, Tổ trưởng tổ TK&VV tổ chức họp tổ có sự tham gia của Hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp xã và sự giám sát của Trưởng thôn để bình xét cho vay đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; Kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách của Chính phủ; Đối chiếu số tiền vay phải phù hợp với chi phí đi lao động được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận. Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ TK&VV gửi toàn bộ hồ sơ vay vốn cho NHCSXH nơi cho vay.

- Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công xem xét tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Tín dụng (Tổ trưởng tổ tín dụng) kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt cho vay, NHCSXH lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã; nếu không phê duyệt cho vay thì NHCSXH phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- UBND cấp xã thông báo cho Hội, đoàn thể cấp xã nhận ủy thác và Tổ TK&VV để thông báo cho người vay đến Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để cùng người vay lập Sổ vay vốn và nhận tiền vay.

12. Giải ngân

- Việc giải ngân cho người vay được thực hiện tại Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

- Việc giải ngân có thể bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt do người vay và NHCSXH thỏa thuận theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trên Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

13. Định kỳ hạn trả nợ

a) Trường hợp người vay trả nợ bằng tiền lương thông qua Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: định kỳ hạn trả nợ gốc 03 tháng /lần.

b) Trường hợp người vay có nhu cầu trả nợ dần trong thời gian vay thì NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với người vay về định kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng /lần.

14. Thu nợ, thu lãi

a) Thu nợ

- NHCSXH thu nợ trực tiếp từ người vay theo các kỳ hạn trả nợ do người vay và NHCSXH thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng hoặc Sổ vay vốn. Người vay có thể trả nợ trước hạn.

- Trường hợp người vay gặp khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

b) Thu lãi

- Lãi tiền vay được thu theo từng kỳ hạn đã thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng hoặc Sổ vay vốn. Trường hợp, người vay có nhu cầu trả lãi theo tháng thì NHCSXH phục vụ theo đề nghị của người vay. Đối với trường hợp người vay là tổ viên của tổ TK&VV thì Tổ trưởng Tổ TK&VV lập Danh sách tổ viên đề nghị nộp lãi trong thời gian ân hạn theo Mẫu số 01/DS đính kèm văn bản số 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH), gửi Ngân hàng để nhập thông tin vào chương trình giao dịch và lưu Danh sách này cùng với hồ sơ chung của Tổ TK&VV.

- Trường hợp khách hàng trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

15. Xử lý nợ đến hạn kỳ cuối cùng

a) Gia hạn nợ

- Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, người vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

- NHCSXH nơi cho vay có thể cho gia hạn nợ một hay nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với các khoản vay đến 12 tháng và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với các khoản vay trên 12 tháng.

b) Chuyển nợ quá hạn

Khi người vay sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc đến hạn trả nợ cuối cùng người vay chưa trả được nợ và không được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn. Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH gửi thông báo, yêu cầu người vay trả nợ quá hạn.

16. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và hướng dẫn của NHCSXH.

17. Kiểm tra, giám sát

a) Đối với người vay theo phương thức cho vay trực tiếp

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (Mẫu số 06/TD), trong Biên bản kiểm tra ở phần

nhận xét cần ghi số lao động thực tế đã xuất cảnh và số lao động chưa xuất cảnh ghi rõ số thứ tự trong danh sách (nếu có).

b) Đối với người vay theo phương thức cho vay ủy thác

Thực hiện theo quy định hiện hành của nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (Mẫu số 06/TD) và trong Biên bản kiểm tra ở phần nhận xét ghi rõ tương tự điểm a khoản này.

18. Hạch toán kế toán

Việc hạch toán cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ được thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

19. Chế độ báo cáo thống kê

a) Báo cáo trong hệ thống NHCSXH: Việc báo cáo Kết quả cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

b) Báo cáo ngành Lao động-Thương binh và Xã hội (LĐTB&XH)

Hàng quý trước ngày 20 của tháng đầu quý, NHCSXH nơi cho vay gửi báo cáo cho Phòng LĐTB&XH theo Mẫu số 06; NHCSXH cấp tỉnh gửi báo cáo cho Sở LĐTB&XH theo Mẫu số 08 và Hội sở chính NHCSXH gửi báo cáo cho Bộ LĐTB&XH theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 45.

20. Tổ chức thực hiện

a) Đối với người lao động thuộc huyện nghèo: tiếp tục thực hiện cho vay theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc tại văn bản số 2667/NHCS-TDNN ngày 21/9/2009 về việc hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với nguồn vốn do NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện nhận ủy thác tại địa phương để cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài: căn cứ vào nội dung văn bản này và theo quy định hiện hành về việc nhận ủy thác cho vay, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp.

c) NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, công khai nội dung Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; tập huấn nghiệp vụ cho vay theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội làm ủy thác, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ chuyên trách công tác giảm nghèo cấp xã; Đồng thời báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để triển khai thực hiện.



21. Hiệu lực của văn bản

a) Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2016.

b) Các quy định về hồ sơ vay vốn theo Thông tư số 45 có hiệu lực theo quy định tại khoản 1, điều 8 Thông tư số 45.

c) Kể từ nay trở đi, việc cho vay người lao động là thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được thực hiện theo văn bản này. Các quy định khác của NHCSXH về cho vay người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng có nội dung trái văn bản này hết hiệu lực.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ Lao động - TB&XH; (để báo cáo)
- Bộ Tài chính;
- Hội LHPN VN;
- Hội ND VN; (để phối hợp thực hiện)
- TW Đoàn TNCS HCM;
- Hội CCB VN;
- Chủ tịch HĐQT; (để báo cáo)
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TT ĐT, TT CNTT (để truyền Fastnet), SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;
- Lưu: VT, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/HĐTD

(Áp dụng đối với người vay theo phương thức cho vay trực tiếp)

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ văn bản số:...../NHCS-TDNN ngày...../...../2015 về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Căn cứ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) đưa người đi làm việc ở nước ngoài và nhu cầu vay vốn của người lao động.

Hôm nay, ngày/...../....., tại Ngân hàng Chính sách xã hội....., chúng tôi gồm:

- BÊN CHO VAY (sau đây gọi là Bên A):

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH):

Địa chỉ:Số ĐT:

Người đại diện:Chức vụ:

Văn bản ủy quyền (nếu có), số..... ngày...../...../.....do ông (bà):.....

.....chức vụ:..... ủy quyền.

- BÊN VAY (sau đây gọi là Bên B):

Họ và tên người vay: Sinh ngày/...../.....

CMND số: Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp.....

Cư trú tại: Thôn..... xã.....

..... huyện..... tỉnh.....

Hộ khẩu thường trú: Thôn..... xã.....

..... huyện..... tỉnh.....

Hai bên thỏa thuận và thống nhất về việc vay vốn để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài với các điều, khoản sau:

Điều 1. Nội dung

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng
(Bằng chữ:)

2. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày .../.../.....

3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ tháng

- Lãi suất quá hạn: %/tháng

- Tiền lãi trả theo:

4. Định kỳ hạn trả nợ gốc: tháng/lần vào ngày:.....

Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ gốc, người vay chưa trả được nợ thì được theo dõi trả vào kỳ hạn tiếp theo.

5. Việc theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ, chuyển nợ quá hạn, gia hạn nợ được theo dõi bằng Phụ lục hợp đồng đính kèm hợp đồng.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bằng tiền mặt trực tiếp cho người vay: đồng

2. Bằng chuyển khoản: đồng vào tài khoản số tại Ngân hàng..... tên chủ tài khoản..... tên đơn vị thụ hưởng.....

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

Tiền vay được sử dụng để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài của người lao động theo Hợp đồng số ngày .../.../.....

Điều 4. Thu nợ gốc, thu lãi

1. Đối với trường hợp người vay trả nợ bằng tiền lương của người lao động thông qua Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Bên A được quyền tự động trích tài khoản tiền gửi của Bên B để thu nợ gốc, thu lãi theo Hợp đồng thỏa thuận về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay ký ngày/...../..... giữa Doanh nghiệp, NHCSXH và người lao động.

2. Đối với lao động vay vốn thông qua hộ gia đình: Việc thu nợ, thu lãi do người vay trực tiếp trả nợ tại Trụ sở NHCSXH hoặc tại Điểm giao dịch xã vào ngày giao dịch theo lịch cố định hoặc trả nợ bằng hình thức chuyển khoản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

a) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.

b) Chuyển nợ quá hạn, thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn không đúng mục đích.

c) Được xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của Bên B (nếu có) theo quy định của Pháp luật để thu hồi nợ khi bên B vi phạm Hợp đồng tín dụng.

d) Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

e) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng tín dụng này.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Phát đủ số tiền vay theo quy định. Tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế và thời gian sử dụng, không nhập lãi vào gốc.

c) Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên vay.

d) Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên vay trước khi đến hạn 30 ngày.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

a) Trả nợ trước hạn và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b) Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này và hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài của Tổng Giám đốc NHCSXH.

b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích xin vay. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng này.

c) Không được chuyển nhượng tài sản bảo đảm cho khoản vay (nếu có) khi chưa trả hết nợ vay .

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay.

Điều 8. Hợp đồng và phụ lục hợp đồng đính kèm có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của hợp đồng này và phụ lục hợp đồng đính kèm. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải, thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án nơi NHCSXH đóng trụ sở.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



HỢP ĐỒNG

Thoả thuận về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 45/2015 /TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ văn bản số:...../NHCS-TDNN ngày...../...../2015 về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Căn cứ Hợp đồng ký kết giữa ông/bà..... với Doanh nghiệp.....đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, số.....ngày...../...../.....

Hôm nay, ngày...../...../.....Tại:.....chúng tôi cùng nhau thỏa thuận, thống nhất về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ tiền vay (gốc, lãi) cho NHCSXH, với thành phần và nội dung cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA**1. Ngân hàng Chính sách xã hội:.....**

Địa chỉ: Số ĐT:.....

Người đại diện là ông (bà):: Chức vụ:.....

Giấy ủy quyền số (nếu có):Ngày...../...../.....do ông (bà)chức vụ ủy quyền.

2. Doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:Số ĐT.....

Người đại diện là ông (bà): Chức vụ:.....

CMND số: ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy ủy quyền số (nếu có):ngày...../...../..... do ông
(bà)chức vụ..... ủy quyền
Số tài khoản:..... Tại ngân hàng.....

3. Người lao động

Ông (bà):..... Sinh ngày:...../...../.....
CMND số: ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:
Địa chỉ cư trú: Thôn.....Xã:.....Huyện:.....Tỉnh:.....
Địa chỉ thường trú: Thôn.....Xã:.....Huyện:.....Tỉnh:.....
Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài: số....., ngày...../...../.....

II. NỘI DUNG THỎA THUẬN

1. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay có trách nhiệm mở cho người vay 01 tài khoản tiền gửi không kỳ hạn (đối với trường hợp người vay chưa có tài khoản tiền gửi mở tại NHCSXH nơi cho vay) để Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH.

2. Người lao động đồng ý cho Doanh nghiệp được quyền trích tiền lương theo định kỳ tháng/lần để trả nợ tiền vay (gốc, lãi) cho NHCSXH, cụ thể:

- Loại tiền tệ: VNĐ (Việt Nam đồng).

- Số tiền trích mỗi kỳ:.....đồng, (Bằng chữ.....)

- Định kỳtháng/lần, Doanh nghiệp có trách nhiệm trích đúng, trích đủ số tiền nêu trên của người lao động để chuyển vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn đứng tên người vay là:.....số tài khoản:.....mở tại NHCSXH.....

3. Đến kỳ hạn thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn, NHCSXH nơi cho vay được quyền trích tài khoản tiền gửi của người vay để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

4. Các bên cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Những nội dung không đề cập trong Hợp đồng này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH và các quy định hiện hành của pháp luật. Khi xảy ra tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng thương lượng, các bên sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi NHCSXH đóng trụ sở.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện./.

Người lao động
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện
Doanh nghiệp**
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện
NHCSXH**
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

(Áp dụng đối với người vay là người độc thân)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
 Dân tộc:Giới tính:
 Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân) số:
 Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Công an.....
 Nơi cư trú: Thôn.....Xã.....Huyện.....
Tỉnh.....Điện thoại.....
 Thuộc đối tượng: Hộ cận nghèo , Thân nhân người có công với cách mạng
 Tôi có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng số
 tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày/...../.....với
 doanh nghiệp/tổ chức sự nghiệp/ chủ sử dụng lao động, địa chỉ
trong thời hạn.....tháng.
 Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng.
(Bằng chữ:).
 Thời hạn vay:tháng Trả gốc: Trả lãi:
 Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (ước tính)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Ông/bà:
 Thuộc diện hộ cận nghèo (nếu có), hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị vay vốn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của của ông (bà):
Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền cho vay:.....đồng, (Bằng chữ:.....
.....), bằng nguồn vốn:.....
2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng.
4. Định kỳ hạn trả nợ gốc:.....tháng/lần, số tiền.....triệu đồng/lần.
5. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
6. Lãi tiền vay được trả định kỳ, vào ngày
7. Hình thức bảo đảm tiền vay: (nếu có)
 Cầm cố tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....
 Thế chấp tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....
 Bảo đảm bằng tài sản bảo lãnh theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

(Áp dụng đối với người vay thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc:Giới tính:

Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân) số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Công an.....

Là chủ hộ/người đại diện cho hộ gia đình cư trú tại: Thôn.....

Xã..... Huyện..... Tỉnh.....

Tôi đề nghị vay vốn cho ông/bà:.....là thành viên của

hộ gia đình. Năm sinh:.....Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn

cước công dân) số:.....Ngày cấp:.../.../.....Nơi cấp:

Quan hệ với chủ hộ/người đại diện hộ gia đình :.....

Thuộc đối tượng: Hộ cận nghèo , Thân nhân người có công với cách mạng

Đề đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh

thổ ký ngày .../.../.....với doanh nghiệp/ tổ chức sự

ngành/ chủ sử dụng lao động), địa chỉ

.....trong thời hạn.....tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:))

Thời hạn vay:tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, ngày ... tháng ... năm
Người đề nghị vay vốn

Các ông/bà:

hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ và tên)



PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của ông/bà....., Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền cho vay:đồng, (Bằng chữ:.....), bằng nguồn vốn:
2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng.
4. Định kỳ hạn trả nợ gốc:.....tháng/lần, số tiền.....triệu đồng/lần.
5. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
6. Lãi tiền vay được trả định kỳ, vào ngày
7. Hình thức bảo đảm tiền vay: (nếu có)

Cầm cố tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Thế chấp tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Bảo đảm bằng tài sản bảo lãnh theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY XÁC NHẬN
THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG****1. Thông tin về thân nhân người có công với cách mạng**

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:...../...../..... Giới tính:.....

Nơi đăng ký thường trú:

.....

Quan hệ với người có công với cách mạng (1):.....

2. Thông tin về người có công với cách mạng

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:...../...../..... Giới tính:.....

Thuộc diện người có công với cách mạng (2):.....

Số hồ sơ:

Nơi đăng ký thường trú (nếu có):

.....

**Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền (4)**

Ông/bà:.....

Là thân nhân người có
công với cách mạng.**Thủ trưởng đơn vị***(Họ và tên, ký, đóng dấu)*

....., ngày....tháng...năm...

**Xác nhận của người có công
với cách mạng***(Chữ ký, họ và tên)*

(3)

..., ngày...tháng...năm...

Người đề nghị xác nhận*(Chữ ký, họ và tên)***Ghi chú:***(1) Ghi quan hệ người đề nghị xác nhận với người có công với cách mạng: cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.**(2) Ghi rõ loại đối tượng người có công với cách mạng.**(3) Mục này không áp dụng đối với liệt sĩ, người có công với cách mạng đã từ trần.**(4) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền:**Trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công xác nhận người có công với cách mạng do Trung tâm quản lý.**Đơn vị quân đội, công an có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận người có công với cách mạng do đơn vị quân đội, công an quản lý.**Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người có công với cách mạng đối với những trường hợp còn lại đang thường trú tại xã.*